

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Số tín chỉ: 02

Mã số: GSO121

Chuyên ngành: Khoa học môi trường

Thái Nguyên, 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Xã hội học ĐC
- Tên tiếng Anh: General Sociology
- Mã học phần: GSO121
- Số tín chỉ: 2
- Điều kiện tham gia học tập học phần:

Môn học tiên quyết:

Môn học trước:

- *Bộ môn:* Tiếng Việt – Xã hội học
- *Khoa:* KHCB
- *Phân bố thời gian:*
- *Học kỳ:* 1,2

Học phần thuộc khối kiến thức:

| | | | | | |
|------------|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|
| Cơ bản] | | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | |
| Bắt buộc] | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt]

II. Thông tin về giảng viên:

1. Họ và tên: Lèng Thị Lan

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 09891421696; Email: lengthilan@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Văn hóa/văn học dân tộc

2. Họ và tên: Dương Thùy Trang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0979; Email: duongthuytrang@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính:

3. Họ và tên: Nguyễn Đỗ Hương Giang

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0979 87 19 10; Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: xã hội học nông thôn, xã hội học về giới, phát triển nông thôn, biến đổi khí hậu...

4. Họ và tên: Cao Đức Minh

- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sỹ
- Thời gian, địa điểm làm việc: VPK Khoa KHCB
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Tiếng Việt – Xã hội học, Khoa KHCB
- Điện thoại: 0973 515 276; 0948 90 11 02; Email: caoducminh@tuaf.edu.vn
- Các hướng nghiên cứu chính: Xã hội học văn hóa, xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị...

III. Mô tả học phần:

Môn học Xã hội học Đại cương là môn học bắt buộc nhằm trang bị cho sinh viên ngành Khoa học môi trường một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về xã hội học, bao gồm: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; các khái niệm cơ bản xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, nhóm và xã hội; vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay.

IV. Mục tiêu và chuẩn đầu ra

1. Mục tiêu:

- Sinh viên cần hiểu được đối tượng nghiên cứu, sự ra đời và phát triển của xã hội học
- Sinh viên phải biết được hệ thống các khái niệm, phạm trù và các quy luật trong xã hội học từ đó vận dụng vào thực tiễn nhằm đánh giá thực tiễn cũng như tìm ra các quy luật riêng của xã hội học.
- Tiếp cận và nghiên cứu một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học như nông thôn, đô thị, gia đình...
- Sinh viên học được cách phân tích các sự kiện xã hội
- Kỹ năng phân tích hành động xã hội, tương tác xã hội
- Kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội và chức năng xã hội.

2. Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

| Mã | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT |
|----|--------|---|
|----|--------|---|

| HP | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
|------------|------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|
| GSO1 21 | Xã hội học ĐC | a | - | - | - | b | - | - | - | a | - | a | b | b | b | b |

Ghi chú:

- a: mức đáp ứng cao
- b: mức đáp ứng trung bình
- c: mức đáp ứng thấp
- không đáp ứng

Chuẩn đầu ra của học phần (theo thang đo năng lực của Bloom):

| Ký hiệu | Chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CDR của CTĐT |
|-------------------------------------|--|-----------------|
| Kiến thức | | |
| K 1 | Hiểu rõ các khái niệm về xã hội, xã hội học, quan hệ xã hội, tương tác xã hội, văn hóa, bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, quá trình xây dựng nông thôn mới hiện nay gắn với thực tế xã hội và vận dụng vào trong cuộc sống. | 1a,5b |
| K 2 | Vận dụng các lý thuyết khái niệm xã hội học gắn với giải quyết vấn đề môn học cơ sở ngành, ngành KHMT | 1a,5b |
| K 3 | Có khả năng tổng hợp và phân tích mô hình hóa các vấn đề xã hội trong việc áp dụng văn bản liên quan đến môi trường, học được cách phân tích các sự kiện xã hội. | 1a, 5b |
| K 4 | Tiếp cận và nghiên cứu một số lĩnh vực nghiên cứu chuyên ngành của xã hội học như nông thôn, đô thị, gia đình... Nhìn nhận và xem xét vấn đề xã hội hiện nay xã hội học đang quan tâm như: mối quan hệ giữa nông thôn – đô thị; hôn nhân – gia đình; dư luận xã hội;...dưới góc nhìn khoa học. | 1a,5b |
| Kỹ năng | | |
| K5 | Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm; | 9a |
| K6 | Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích, phân tích các vấn đề xã hội; Kỹ năng phân tích hành động xã hội, tương tác xã hội, có kỹ năng phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội và chức năng xã hội. | 9a,12b |
| K7 | Có kỹ năng phát hiện, sáng tạo, tổ chức sự kiện; Biết điều hành và tổ chức công việc của cá nhân. | 9a,12b |
| Thái độ và phẩm chất đạo đức | | |
| K8 | Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt; có trách nhiệm, | 13b |

| | | |
|-----|--|-----|
| | nhiệt tình với công việc; có thái độ cầu thị tiến bộ, tự tin, sáng tạo và luôn cập nhật thông tin mới. | |
| K9 | Hoà đồng và hợp tác cũng như thích ứng với các điều kiện làm việc/môi trường làm việc cường độ cao. | 14b |
| K10 | Giao tiếp, làm việc với nhiều đối tượng như người dân tộc thiểu số, các tổ chức phi chính phủ. | 15b |

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình kết hợp trình chiếu video
- Thảo luận
- Sinh viên thuyết trình kết hợp giảng viên giải thích

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
- Sinh viên tự tìm tài liệu, đề tài được giao.
- Sinh viên làm việc nhóm, áp dụng kiến thức được học để hoàn thành bài tập nhóm, bài tập cá nhân
- Sinh viên thuyết trình kết quả thảo luận nhóm, bài tập cá nhân (thông qua đóng vai hoặc trình chiếu power point...)

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần:
 - ↳ Đối với giờ lý thuyết: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng
 - ↳ Đối với giờ thực hành: Sinh viên phải báo cáo tiến độ làm việc mỗi tuần
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan.
- Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và cầu thị.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Bảng 1. Ma trận đánh giá CDR của học phần

| Các CDR của học phần | Chuyên cần | Giữa kỳ | Cuối kỳ |
|----------------------|------------|---------|---------|
| | (20%) | (30%) | 50(%) |
| K1 | X | X | X |
| K2 | X | X | X |
| K3 | X | X | X |
| K4 | X | X | X |
| K5 | X | X | X |
| K6 | X | X | X |
| K7 | X | X | X |

| | | | |
|-----|---|---|---|
| K8 | X | X | X |
| K9 | X | X | X |
| K10 | X | X | X |

Bảng 2. Rubric đánh giá học phần

Lưu ý: Học phần giảng dạy có bao nhiêu hình thức đánh giá thì phải có hình thức đánh giá tương ứng

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM <4,0 |
|--|---------------------|--|---|---|---|--|
| Tham dự các buổi học lý thuyết và thảo luận | 80 | Tham dự đầy đủ các buổi học lý thuyết và thảo luận | Tham dự chỉ đạt khoảng 70% - 84% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận | Tham dự chỉ đạt khoảng 50% -60% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận | Tham dự chỉ đạt khoảng 40% - 50% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận | Tham dự chỉ đạt khoảng <40% các buổi học lý thuyết và thực hành thảo luận |
| Thái độ học giờ lý thuyết | 20 | Tích cực phát biểu xây dựng bài. Xung phong làm bài tập và làm tốt bài tập xung phong. | Tương đối tích cực phát biểu xây dựng và có tinh thần xung phong làm bài tập tuy nhiên chất lượng câu trả lời chưa cao. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chưa tích cực phát biểu xây dựng và xung phong làm bài tập. Giáo viên chỉ định mới trả lời. | Chỉ tham dự lớp học nhưng không tham gia phát biểu, xung phong làm bài. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài cũ. Làm việc riêng trong giờ học. |

Rubric 2: Đánh giá giữa kỳ

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM <4,0 |
|--|--------------|---|--|--|--|---|
| Bài thi tự luận | 40% | Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tự luận. | Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tự luận. | Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tự luận. | Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tự luận. | Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tự luận. |
| Trình bày trên lớp (thuyết trình, diễn kịch, ...) | 60% | Đáp ứng 85%-100% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao. | Đáp ứng 70%-84% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao. | Đáp ứng 55%-69% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao. | Đáp ứng 40%-54% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao. | Đáp ứng <40% yêu cầu của bài tập do giáo viên giao. |

Rubric 3: Đánh giá cuối kỳ (vấn đáp)

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM >4,0 |
|----------------------------|--------------|---|---|--|---|--|
| Kiến thức | 50 | Hiểu rõ và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng câu hỏi giảng viên đưa ra | Trả lời được khoảng 70% về câu hỏi của giảng viên. | Trả lời được khoảng 50% về câu hỏi của giảng viên. | Trả lời được khoảng 30-40% về câu hỏi của giảng viên. | Không trả lời được câu nào |
| Kỹ năng | 20 | Hoạt động tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học | Hoạt động khá tích cực và trả lời câu hỏi lưu loát, vận dụng tốt các kỹ năng được học | Biết sử dụng kỹ năng thuyết trình nhưng chưa hiệu quả. | Ít sử dụng kỹ năng trong thuyết trình | Chưa biết sử dụng các kỹ năng thuyết trình |
| Trả lời câu hỏi phụ | 20 | Có tính thuyết phục, đảm bảo độ | Đạt yêu cầu về nội dung | Đạt yêu cầu về nội dung nhưng thiếu | Có trả lời nhưng | Không trả lời được |

| | | | | | | |
|--------------------|----|---|---|---|------------------------------|----------------------|
| Điểm thưởng | 10 | tin cậy | | logic | chưa đạt yêu cầu về nội dung | |
| | | Kết hợp tốt các kiến thức, kỹ năng và trả lời tốt câu hỏi phụ | Biết kết hợp các kiến thức, kỹ năng và trả lời được câu hỏi phụ | Chưa kết hợp nhuần nhuyễn kiến thức và kỹ năng trong khi trả lời câu hỏi. | Không có điểm thưởng | Không có điểm thưởng |

Rubric 4: Đánh giá thực hành

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM <4,0 |
|---------------------------------------|---------------------|--|--|--|---|---|
| Mức độ hoàn thành | 50% | Hoàn thành đầy đủ các bài tập thực hành. | Hoàn thành chỉ trong khoảng 70% -84% khối lượng bài tập được giao. | Hoàn thành chỉ trong khoảng 55% -69% khối lượng bài tập được giao. | Hoàn thành chỉ trong khoảng 40%-54% khối lượng bài tập được giao. | Hoàn thành chỉ dưới 40% khối lượng bài tập được giao. |
| Tham dự các buổi học thực hành | 50% | Áp dụng thành thạo các nội dung lý thuyết. | Áp dụng chính xác các nội dung lý thuyết. | Áp dụng được các nội dung lý thuyết. | Chỉ có thể thực hành lặp lại các áp dụng lý thuyết. | Chưa thực hành lặp lại các áp dụng lý thuyết. |

Rubric 6: Đánh giá tự luận

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM >4,0 |
|--|---------------------|--|--|---|---|---|
| Hiểu và vận dụng kiến thức nền của môn để xây dựng hoặc giải quyết chủ đề được giao | 40% | Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu | Trình bày gần đầy đủ nội dung yêu cầu nghiên cứu | Trình bày được 1 nửa nội dung nghiên cứu. | Trình bày một phần nội dung nghiên cứu. | Trình bày chỉ một phần nhỏ của nội dung yêu cầu nghiên cứu. |

Rubric 9: Đánh giá thảo luận nhóm

| TIÊU CHÍ | TRỌNG SỐ (%) | TỐT (8,5-10) | KHÁ (7,0-8,4) | TRUNG BÌNH (5,5-6,9) | TRUNG BÌNH YẾU (4,0-5,4) | KÉM <4,0 |
|----------------------------------|--------------|--|---|---|---|---|
| Trả lời câu hỏi (Nhóm) | 20% | Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng câu hỏi chung về đề tài. | Trả lời được khoảng 70% nội dung câu hỏi chung về đề tài. | Trả lời được khoảng 50% nội dung câu hỏi chung về đề tài. | Trả lời được khoảng 35-40% nội dung câu hỏi chung về đề tài. | Không trả lời được câu nào |
| Trả lời câu hỏi (Cá nhân) | 20% | Nắm vững và trả lời đầy đủ, rõ ràng, thỏa đáng về công việc được giao trong nhóm | Trả lời được khoảng 70% về công việc được giao trong nhóm. | Trả lời được khoảng 50% về công việc được giao trong nhóm. | Trả lời được khoảng 35-40% về công việc được giao trong nhóm. | Không trả lời được câu nào |
| Hoạt động chung nhóm | 10% | Có sự phân công và cộng tác tốt giữa các thành viên trong nhóm. | Có sự cộng tác giữa các thành viên trong nhóm nhưng sự phân chia công việc không đều. | Có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo. | Không có sự kết hợp của các thành viên, chỉ có một vài thành viên làm và báo cáo. | Các thành viên trong nhóm không hoạt động. Dựa trên tài liệu tham khảo biến tấu thành bài của mình. |
| Hình thức báo cáo | 10% | Cách trình bày báo cáo lôi cuốn, rõ ràng, dễ hiểu. Có phân chia báo cáo giữa các thành viên. | Bài báo cáo khá đầy đủ nhưng không trình bày mạch lạc. Có phân chia báo cáo giữa | Bài báo cáo không đầy đủ, trình bày không rõ ràng. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên. | Bài báo cáo sơ sài, không thể hiểu được nội dung. Không phân chia báo cáo giữa các thành viên | Không báo cáo được. |

VIII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Sách giáo trình/Bài giảng: Giáo trình nội bộ *Xã hội học đại cương* – hệ chính quy, Khoa Khoa học Cơ bản, trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên.

Tài liệu tham khảo khác:

1. John J. Macionis; Trung tâm dịch thuật thực hiện; Hiệu đính Trần Nhật Tân, *Xã hội học*, Nhà xuất bản Thống kê, 1987.
2. Đoàn Văn Chúc, *Xã hội học văn hóa*, Nhà xuất bản văn hóa thông tin, năm 1997.
3. Bùi Quang Dũng, *Giáo trình xã hội học nông thôn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
4. Phạm Tất Dong, Lê Ngọc Hùng (Đồng chủ biên), Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, Hoàng Bá Thịnh, *Xã hội học*, Nhà xuất bản Thế giới, năm 2008.
5. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh, *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2011.

IX. Nội dung chi tiết của học phần :

| Nội dung | CDR chi tiết | Hoạt động dạy và học | Hoạt động đánh giá | CDR học phần |
|---|---|--|--|--|
| Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA XÃ HỘI HỌC | Nội dung của chương gồm 3 phần: 1.1. Xã hội học và đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.2. Chức năng của xã hội học 1.3. Nhiệm vụ của môn xã hội học - Giúp sinh viên phân biệt được khái niệm xã hội, xã hội học. - Phân tích được đối tượng nghiên cứu của xã hội học. - Phân tích được mối quan hệ giữa xã hội học với các khoa học khác. - Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của xã hội học. | - Nghe giảng - Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp - Thực hiện bài tập mở rộng. | - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. | K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10 |
| Chương 2: QUAN HỆ XÃ HỘI | Nội dung của chương gồm 4 phần: 2.1. Hành động xã hội 2.2. Tương tác xã hội 2.3. Quan hệ xã hội 2.4. Vị thế xã hội 2.5. Vai trò xã hội | - Nghe giảng. - Phát biểu/ chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thảo luận nhóm - Tự thực hiện bài | - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. | K1, K2, K3, K4, K5, K6, |

| | | | | |
|---|---|--|--|---|
| HỘI VÀ VAI TRÒ XÃ HỘI | <ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên có được hệ thống các khái niệm cơ bản của ngành xã hội học. - Phân biệt được các khái niệm như: hành động xã hội, tương tác xã hội, quan hệ xã hội, vị thế xã hội, vai trò xã hội. - Vận dụng thực tế bản thân. | tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. | | K7, K8, K9, K10 |
| Chương 3: BẤT BÌNH ĐẲNG VÀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI | <p>Nội dung của chương gồm 3 phần:</p> <p>3.1. Bất bình đẳng xã hội</p> <p>3.2. Phân tầng xã hội</p> <p>3.3. Di động xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các khái niệm như: bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội - Vận dụng thực tế liên hệ thực tế ở Việt Nam hiện nay. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thực hành thảo luận nhóm - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. | <ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. | K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10 |
| Chương 4: VĂN HÓA VÀ QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA | <p>Nội dung của chương gồm 2 phần:</p> <p>4.1. Văn hóa</p> <p>4.2. Quá trình xã hội hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các khái niệm như: bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội - Vận dụng thực tế liên hệ thực tế ở Việt Nam hiện nay. | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng, thảo luận. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tham gia thực hành. - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. | <ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. | K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10 |
| Chương 5: BIẾN ĐỔI XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI HIỆN NAY | <p>Nội dung của chương gồm 3 phần:</p> <p>5.1. Một số khái niệm</p> <p>5.2. Biến đổi xã hội nông thôn trong quá trình đổi mới và hội nhập</p> <p>5.3. Chiến lược xây dựng nông thôn mới của Nhà nước Việt Nam hiện nay</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghe giảng. - Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp - Tự nghiên cứu các vấn đề liên quan. - Tự thực hiện bài tập nhóm, bài tập cá nhân đã được giao. | <ul style="list-style-type: none"> - R1. - R2. - R3. - R4. - R6. - R9. | K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10 |

X. Hình thức tổ chức dạy học :

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) | | | | | Tổng |
|-------------|--|---------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | Thực hành | Tự học | |
| Chương 1: | 1 | | 1 | | 6 | 8 |
| Chương 2: | 4 | | 2 | 2 | 15 | 23 |
| Chương 3: | 3 | | 2 | 2 | 15 | 22 |
| Chương 4: | 4 | | 1 | 2 | 15 | 22 |
| Chương 5: | 3 | | 1 | 2 | 9 | 15 |
| TỔNG | 15 | | 7 | 8 | 60 | 90 |

Lưu ý: Trong phần thảo luận và thực hành có hệ thống câu hỏi chủ đề cho sinh viên chuẩn bị trước ở nhà.

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành:
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu, loa, đài, giấy A0, bút dạ, máy quay phim, máy chụp ảnh.
- Điều kiện khác: Giảng viên có thể linh hoạt sử dụng địa điểm giảng dạy ngoài lớp học (ví dụ: sân trường; thư viện; nhà thi đấu; nhà đa năng; trại thực hành...)

....., ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)